



**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER**

**SỔ TAY ĐỊNH GIÁ
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VND**

(Ban hành kèm theo Điều Lệ & Bản Cáo Bạch Quỹ VNDBF)

2026

I. Giới thiệu

Sổ Tay Định Giá này là một phần không thể thiếu cùng với các tài liệu Quỹ khác (Điều Lệ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt) của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF) do Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner (IPA Partner /Công Ty) thành lập và quản lý, và được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành) xác nhận và Ban Đại Diện Quỹ phê chuẩn.

Sổ Tay Định Giá được xây dựng trên cơ sở Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ tại Điều lệ Quỹ đã được nhà đầu tư thông qua để hướng dẫn chi tiết cho việc định giá các tài sản trong Danh Mục của Quỹ tại các kỳ định giá Quỹ VNDBF trong quá trình quản lý quỹ, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về thành lập và quản lý Quỹ VNDBF.

II. Cơ sở pháp lý

- Luật Chứng Khoán số 54/2019/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;
- Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03/09/2025;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;
- Điều lệ Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF)

III. Nguyên tắc chung của việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ

Việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- Định giá tài sản trên nguyên tắc định giá thị trường, phản ánh sát nhất với giá trị của các tài sản của Quỹ VNDBF.
- Việc định giá phải đảm bảo được thực hiện theo các quy định, quy trình, nguyên tắc, phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ, quy định tại Sổ Tay Định Giá cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thị trường Việt Nam.

- Việc thay đổi nguyên tắc, phương pháp định giá để phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam sẽ được IPA Partner đề xuất đề cấp có thẩm quyền theo Điều Lệ Quỹ thông qua.
- Ngày định giá:
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định mỗi kỳ giao dịch và mỗi tháng. Ngày định giá là ngày thứ Hai tới Thứ Sáu hàng tuần (với kỳ định giá hàng ngày), ngày thứ Hai (với kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (với kỳ định giá hàng tháng).
 - Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Nội dung thông tin về giá trị tài sản ròng thực hiện theo mẫu theo quy định của pháp luật hiện hành

IV. Tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

- Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại diện quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
 - Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
 - Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.
- Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:
 - Công ty chứng khoán đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
 - Công ty chứng khoán đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.
 - Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

V. Phương pháp xác định Giá trị tài sản của Quỹ

a. Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền gửi thanh toán tại ngân hàng	Số dư trên tất cả các tài khoản tiền đứng tên Quỹ tại ngày trước ngày định giá.

2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

Đối với Chứng khoán nợ và công cụ nợ khác

6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	a) Giá được xác định là giá yết bình quân (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế; b) Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá hoặc có giao dịch nhưng có sự biến động lớn (*), Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: • Giá bình quân do ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ thuộc danh sách được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cung cấp không quá hai (02) tuần tính đến Ngày định giá; Phương pháp này chỉ áp dụng đối với Trái phiếu Chính Phủ. • Giá yết/giá sạch của kỳ định giá gần nhất + lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế); • Giá sạch khi mua về + lãi lũy kế;
----	---	--

- Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
- Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện quỹ quyết định;

Ghi chú:

(*) *Giá thị trường có sự biến động lớn được hiểu là:*

- *Đối với Trái phiếu chính phủ: Giá thị trường có lãi suất chiết khấu vượt quá giới hạn chênh lệch so với lãi suất tiêu chuẩn như sau:*

Kỳ hạn còn lại	Lãi suất tiêu chuẩn	Giới hạn chênh lệch
Từ 5 năm trở xuống	Lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính.	+/-50bps
Trên 5 năm đến 10 năm	Lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính.	+/-30bps
Trên 10 năm	Lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính hoặc Nếu không có sẵn thì là Lãi suất được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở lãi suất trúng thầu gần nhất của kỳ hạn cận dưới (ngắn hơn liền kề) và kỳ hạn cận trên (dài hơn liền kề).	+/-10bps

- *Đối với Trái phiếu doanh nghiệp: Giá thị trường tăng/giảm từ 1% trở lên so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá sạch khi mua về cộng lãi lũy kế nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.*

Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu

- Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu: Giá được xác định như trái phiếu doanh nghiệp
- Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu: Giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.

Đối với trái phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: Giá được xác định là Giá yết/ giá sạch của kỳ định giá gần nhất + lãi lũy kế; hoặc theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ quyết định.

7.	Trái phiếu không niêm yết	a) Giá được xác định là giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm) tính tới ngày trước ngày định giá; b) Trường hợp không có giá yết; hoặc không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá; hoặc có giao dịch nhưng có sự biến động lớn (*), Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: • Giá sạch của kỳ định giá gần nhất + lãi lũy kế; • Giá sạch khi mua về + lãi lũy kế; • Mệnh giá cộng lãi lũy kế; • Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện quỹ quyết định; <u>Ghi chú:</u> (*) Giá thị trường có sự biến động lớn được hiểu là: Giá thị trường tăng/giảm từ 1% trở lên so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá sạch khi mua về cộng lãi lũy kế nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất. Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu ▪ Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu: Giá được xác định như trái phiếu doanh nghiệp ▪ Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu: Giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu. Đối với trái phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy đăng ký giao dịch: Giá được xác định là Giá yết/ giá sạch của kỳ định giá gần nhất + lãi lũy kế; hoặc theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ quyết định.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công	a) Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; b) Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá sau: - Giá mua; hoặc

	chúng của tổ chức niêm yết	- Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá sau: ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Giá được xác định là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách, hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận

		theo từng trường hợp cụ thể.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: ▪ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Chứng khoán phái sinh		
17.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
18.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng quyền có bảo đảm		
19.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
20.	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

21.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.
-----	-----------------------------------	---

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất (hoặc từ ngày phát hành nếu đang trong kỳ trả lãi đầu tiên tới ngày trước Ngày định giá;*
- *Giá trị sổ sách (book value) của một Cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;*
- *Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành*
- *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/ Bloomberg/ VNBF/ VBMA...) để tham khảo;*
- *Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.*

b. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

(1) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

(2) Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban Đại diện quỹ chấp thuận

VI. Phương pháp xác định NAV và NAV/CCQ

- a. **Giá trị tài sản ròng (NAV):** là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá,...) tại ngày trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ

Trong đó:

- Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá trị hợp lý có nhiều

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

biến động bất thường, giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo các phương pháp nêu tại mục III và đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản)

- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
- b. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)** bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước Ngày định giá, và được làm tròn xuống đến 2 chữ số thập phân. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ.

VII. Quy trình định giá

- Vào Ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị chứng chỉ Quỹ theo các nguyên tắc định giá hợp lý quy định tại Mục V & VI.
- Công ty Quản lý Quỹ thực hiện lấy giá từ Tổ chức cung cấp báo giá trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và lấy giá từ hệ thống báo giá, để cung cấp cho tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản ròng của một Chứng chỉ quỹ được chuyển cho Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý quỹ chấp thuận.
- Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phối hợp cùng Công ty Quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
- Trong thời hạn tối đa một (01) ngày làm việc, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng của chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VIII. Thay đổi các nội dung tại Sổ tay định giá

- Khi các điều kiện thị trường thay đổi, Công ty Quản lý Quỹ nhận thấy cần thiết phải thay đổi nguyên tắc định giá tài sản hoặc nội dung khác trong Sổ tay định giá để phản ánh giá trị danh mục được chính xác hơn, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất các sửa đổi, bổ sung trong Sổ tay định giá.
- Các sửa đổi, bổ sung này sẽ được Công ty Quản lý quỹ đề xuất để cấp có thẩm quyền phê duyệt thông qua.
- Các sửa đổi, bổ sung này sẽ được áp dụng vào Ngày định giá gần nhất sau ngày Sổ tay định giá mới được phê duyệt.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER
CHỦ TỊCH KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Phạm Minh Hương

